

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SỨC KHỎE TRẺ QUÝ III/2026 (THÁNG 3/2026)

STT	Lớp/Độ tuổi	TS trẻ	Số trẻ được khám SK	Số trẻ cân đo	%	Cân nặng								Chiều cao				Ghi chú
						BT	Tỷ lệ %	SDD	Tỷ lệ %	Thừa cân	Tỷ lệ %	Béo phì	Tỷ lệ %	BT	Tỷ lệ %	Thấp còi	Tỷ lệ %	
1	2 tuổi A1 khu 1	29	29	29	100	29	100	0			0	0	0	28	96,6	1	3,4	
2	2 tuổi B1 khu 1	26	26	26	100	24	92,3	1	3,8	1	3,8	0	0	25	96,2	1	3,8	
3	3 tuổi A1 khu 1	26	26	26	100	25	96,2	0			0	1	3,8	25	96,2	1	3,8	
4	3 tuổi B1 khu 1	23	23	23	100	23	100	0			0	0	0	23	100	0	0,0	
5	4 tuổi A1 khu 1	21	21	21	100	21	100	0			0	0	0	21	100	0	0,0	
6	4 tuổi B1 khu 1	22	22	22	100	22	100	0			0	0	0	22	100	0	0,0	
7	5 tuổi A1 khu 1	30	30	30	100	30	100	0			0	0	0	30	100	0	0	
8	5 tuổi B1 khu 1	32	32	32	100	32	100	0			0	0	0	32	100	0	0	
9	2 tuổi A2 khu 2	34	34	34	100	34	100	0			0	0	0	34	100	0	0,0	
10	2 tuổi B2 khu 2	35	35	35	100	34	97,1	1			2,9		0	34	97	1	2,9	
11	2 tuổi C khu 2	14	14	14	100	14	100				0		0	14	100		0,0	
12	3 tuổi A2 khu 2	21	21	21	100	21	100				0		0	21	100		0,0	
13	3 tuổi B2 khu 2	18	18	18	100	18	100	0			0	0	0	17	94	1	5,6	
14	3 tuổi C khu 2	13	13	13	100	13	100				0		0	12	92	1	7,7	
15	4 tuổi A2 khu 2	31	31	31	100	31	100	0			0	0	0	31	100	0	0,0	
16	4 tuổi B2 khu 2	31	31	31	100	30	96,8				0	1	3	30	97	1	3,2	
17	4 tuổi C khu 2	12	12	12	100	12	100				0		0	12	100		0	
18	5 tuổi A2 khu 2	32	32	32	100	29	88	0	0	1	4	2	8	32	100	0	0	
19	5 tuổi B2 khu 2	33	33	33	100	31	93,9	0		2	0		0	33	100		0	
20	5 tuổi C khu 2	31	31	31	100	31	100	0			0	0	0	31	100	0	0	
Tổng cộng		514	514	514	100	504	98,1	2	0,4	4	0,8	4	0,8	507	98,5	7	1,4	

Minh Tân, ngày 27 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q.HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Ánh Tuyết

Bùi Thị Đoan